

Số: 15 /2021/TT-NHNN

Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2021

## THÔNG TƯ

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2012/TT-NHNN ngày 25 tháng 5 năm 2012 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng**

*Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;*

*Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối ngày 13 tháng 12 năm 2005 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối ngày 18 tháng 3 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng;*

*Căn cứ Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa ASEAN và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;*

*Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý ngoại hối;*

*Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2012/TT-NHNN ngày 25/5/2012 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng (sau đây gọi là Thông tư 16/2012/TT-NHNN).*

### **Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 16/2012/TT-NHNN**

1. Bổ sung khoản 1b vào sau khoản 1a Điều 15 như sau:

“1b. Đối với trường hợp doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có nhu cầu nhập khẩu vàng nguyên liệu để sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ đề nghị cấp phép theo cơ chế một cửa quốc gia thì gửi hồ sơ theo quy định tại Điều 12

Thông tư này đến Công thông tin một cửa quốc gia để được cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu.”.

2. Bổ sung khoản 5 vào Điều 15 như sau:

“5. Thủ tục cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu cho doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài để sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ theo cơ chế một cửa quốc gia được thực hiện như sau:

a) Nguyên tắc khai, gửi, tiếp nhận, trả kết quả, trao đổi, phản hồi thông tin về hồ sơ đề nghị cấp phép nhập khẩu vàng nguyên liệu cho doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài để sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ:

- Hồ sơ điện tử được sử dụng chữ ký số gửi trên Công thông tin một cửa quốc gia. Việc khai, gửi, tiếp nhận, trả kết quả, trao đổi, phản hồi thông tin, sử dụng chữ ký số trên Công thông tin một cửa quốc gia và hệ thống xử lý chuyên ngành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện theo quy định tại Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa ASEAN và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);

- Trường hợp hệ thống Công thông tin một cửa quốc gia hoặc hệ thống xử lý chuyên ngành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam gặp sự cố hoặc có lỗi không thể tiếp nhận, trao đổi thông tin điện tử, việc khai, gửi, tiếp nhận, trả kết quả, trao đổi, phản hồi thông tin được thực hiện qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

- Các tài liệu trong hồ sơ điện tử là bản điện tử quét từ bản gốc hoặc bản chính (tập tin định dạng PDF, TIF, JPG), trừ văn bản đề nghị cấp phép nhập khẩu vàng nguyên liệu được khai trên Công thông tin một cửa quốc gia. Các tài liệu nộp dưới hình thức hồ sơ giấy là bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực theo quy định của pháp luật hoặc bản sao có xuất trình bản chính để đối chiếu. Trong trường hợp người nộp hồ sơ nộp bản sao có xuất trình bản chính để đối chiếu, người đối chiếu có trách nhiệm xác nhận tính chính xác của bản sao so với bản chính.

b) Trình tự, thủ tục cấp phép nhập khẩu vàng nguyên liệu đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài để sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ:

- Khi có nhu cầu thực hiện nhập khẩu vàng nguyên liệu để sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ, doanh nghiệp lập và gửi 01 (một) bộ hồ sơ cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quy định tại Khoản 1b và điểm a Khoản này;

- Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Điều 12 Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét cấp hoặc từ chối cấp phép (ghi rõ lý do) Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu cho doanh nghiệp theo mẫu tại Phụ lục 15 ban hành kèm theo Thông tư này và gửi cho doanh nghiệp theo quy định tại điểm a Khoản này.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có thông báo cho doanh nghiệp.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 16 như sau:

“6. Đối với thủ tục điều chỉnh Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái sản xuất sản phẩm, căn cứ hợp đồng điều chỉnh và các quy định tại Thông tư này, trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố cấp hoặc từ chối cấp (ghi rõ lý do) Quyết định điều chỉnh Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái sản xuất sản phẩm (theo mẫu tại Phụ lục 21 Thông tư này). Trong trường hợp điều chỉnh thời hạn Giấy phép, thời hạn điều chỉnh được xác định căn cứ theo hợp gia công điều chỉnh và tối đa là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày cấp Giấy phép điều chỉnh. Trường hợp điều chỉnh khối lượng vàng nguyên liệu nhập khẩu, khối lượng điều chỉnh được xác định căn cứ hợp đồng gia công, phụ lục hợp đồng và kế hoạch sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ của doanh nghiệp.”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 18 như sau:

“1. Các văn bản, tài liệu trong hồ sơ quy định tại Mục 3 Thông tư này, trừ trường hợp hồ sơ cấp phép theo cơ chế một cửa quốc gia, phải là bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực theo quy định của pháp luật hoặc bản sao có xuất trình bản chính để đối chiếu. Trong trường hợp người nộp hồ sơ nộp bản sao có xuất trình bản chính để đối chiếu, người đối chiếu có trách nhiệm xác nhận tính chính xác của bản sao so với bản chính.”.

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 1a Điều 20 như sau:

“1a. Định kỳ hằng quý, doanh nghiệp, tổ chức tín dụng được cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng có thực hiện thay đổi nội dung về thông tin doanh nghiệp trên Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng hoặc điều chỉnh địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng (bao gồm thay đổi tên, địa chỉ của địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng, bổ sung địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng, chấm dứt hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng tại địa điểm đã được cấp phép hoặc báo cáo với Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại Thông tư này) gửi báo cáo về các nội dung thay đổi, điều chỉnh nêu trên phát sinh trong kỳ báo cáo (theo Phụ lục số 10b Thông tư này), cụ thể như sau:

a) Doanh nghiệp, tổ chức tín dụng gửi báo cáo của toàn hệ thống cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Quản lý ngoại hối) và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi doanh nghiệp, tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính;

b) Doanh nghiệp, tổ chức tín dụng gửi báo cáo của chi nhánh, phòng giao dịch có phát sinh thay đổi cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trên địa bàn có chi nhánh, phòng giao dịch đó.”.

**Điều 2. Thay thế một số cụm từ, Phụ lục của Thông tư 16/2012/TT-NHNN**

1. Thay thế cụm từ “phiếu trừ lùi có xác nhận của Hải quan” bằng cụm từ “Phiếu trừ lùi in từ hệ thống thông tin nghiệp vụ Hải quan có xác nhận của

doanh nghiệp về tính chính xác của tài liệu này” tại khoản 4 Điều 10, khoản 4 Điều 11, khoản 3 Điều 11a, khoản 3 Điều 12, khoản 5 Điều 13, khoản 4 Điều 14, Phụ lục 6, Phụ lục 7, Phụ lục 8, Phụ lục 9 Thông tư 16/2012/TT-NHNN.

2. Thay thế cụm từ “nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện” bằng cụm từ “nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa hoặc qua dịch vụ bưu chính” tại khoản 1 Điều 15, khoản 1, khoản 2 Điều 16, khoản 1 Điều 17 Thông tư 16/2012/TT-NHNN.

3. Thay thế Phụ lục 10b ban hành kèm theo Thông tư 16/2012/TT-NHNN (đã được bổ sung bởi Thông tư số 29/2019/TT-NHNN ngày 27/12/2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 16/2012/TT-NHNN, sau đây gọi là Thông tư 29/2019/TT-NHNN) bằng Phụ lục 10b ban hành kèm theo Thông tư này.

### **Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Quản lý ngoại hối, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các tổ chức tín dụng, doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh vàng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

### **Điều 4. Điều khoản thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 20 tháng 11 năm 2021.

2. Thông tư này bãi bỏ:

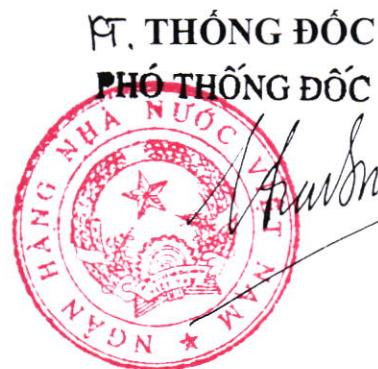
a) Khoản 17 Điều 1 Thông tư số 38/2015/TT-NHNN ngày 31/12/2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 16/2012/TT-NHNN.

b) Khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 1 Thông tư 29/2019/TT-NHNN.

c) Phụ lục 10b ban hành kèm theo Thông tư 29/2019/TT-NHNN./.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Ban Lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Công báo;
- Lưu: VP, PC, QLNH (05). *me*



**PHỤ LỤC 10b**

TÊN TỔ CHỨC TÍN DỤNG/  
DOANH NGHIỆP

Số: ... / ...

Điện thoại: ... Fax: ...

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày ... tháng ... năm ...

**Kính gửi: .....**

**BÁO CÁO THAY ĐỔI NỘI DUNG THÔNG TIN TRÊN GIẤY PHÉP  
KINH DOANH MUA, BÁN VÀNG MIẾNG  
VÀ ĐIỀU CHỈNH ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH MUA, BÁN VÀNG MIẾNG**  
(Quý ... năm ...)

**Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng số ... ngày ...**

**1. Báo cáo nội dung thay đổi thông tin trên Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng**

STT	Nội dung thông tin trên Giấy phép	Trước thay đổi	Sau thay đổi	Số, ngày đăng ký kinh doanh/đăng ký doanh nghiệp
1	Tên TCTD/doanh nghiệp			
2	Địa chỉ trụ sở chính			
3	Vốn điều lệ			

**2. Báo cáo mạng lưới kinh doanh mua, bán vàng miếng**

STT	Nội dung	Số lượng
1	Tổng số địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng quý trước	
2	Số địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng thay đổi tên, địa chỉ	
3	Số địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng bổ sung trong quý báo cáo	
4	Số địa điểm chấm dứt hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng trong quý báo cáo	
5	Tổng số địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng đến hết quý báo cáo	

**3. Danh sách địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng thay đổi tên, địa chỉ**

STT	Trước thay đổi		Sau thay đổi		Số, ngày đăng ký kinh doanh của địa điểm thay đổi
	Tên	Địa chỉ	Tên	Địa chỉ	
1					
...					

**4. Danh sách địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng bổ sung**

STT	Tên địa điểm	Địa chỉ	Số, ngày đăng ký kinh doanh của địa điểm bổ sung
1			
...			

**5. Danh sách địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng chấm dứt hoạt động**

STT	Tên địa điểm	Địa chỉ	Số, ngày đăng ký kinh doanh của địa điểm chấm dứt
1			
...			

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên, số điện thoại)

**Đại diện có thẩm quyền**  
của tổ chức tín dụng/doanh nghiệp  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

CHỖ ĐÓNG DẤU